

BÁO CÁO
Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước quý IV năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Muờng Pờn về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với cơ quan, đơn vị xã Muờng Pờn ;

Căn cứ quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Muờng Pờn về việc bổ sung kinh phí dự toán cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ phát sinh trong năm 2025 ;

Trường Mầm Non Số 2 Muờng Mươn báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý IV năm 2025 như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý VI năm 2025:

1. Nội dung công khai:

Công khai thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước quý IV năm 2025 theo biểu số 3 - Ban hành kèm theo thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức công khai: Công khai trên địa chỉ:

<https://Mamnonso2muongmuon@gmail.com>

3. Thời điểm công khai: Ngày 04/01/2026

II. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý IV năm

2025:

1. Phần thu:

2. Phần chi:

2.1. Kinh phí chi quản lý hành chính

a. Chi nhiệm vụ thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí giao đầu năm: 0 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 0 đồng

b. Chi các nhiệm vụ không thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí giao đầu năm: 0 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 0 đồng
- Kinh phí thực hiện trong kỳ: 0 đồng

2.2. Kinh phí sự nghiệp giáo dục

a. Chi nhiệm vụ thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí giao đầu năm: 3.234.640.000 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 3.234.640.000 đồng
- Kinh phí thực hiện trong kỳ: 2.212.668.000, đạt 68% so với dự toán giao, tăng 64,72 % so với cùng kỳ năm 2024

b. Chi các nhiệm vụ không thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí giao đầu năm: 968.810.000 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 968.810.000 đồng
- Kinh phí thực hiện trong kỳ: 983.700.000 đồng, đạt 92% so với dự toán giao và tăng 80,2 % so với cùng kỳ năm 2024

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2025 của Trường Mầm Non Số 2 Mường Mươn

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT



Nguyễn Thị Lan Hương

Đơn vị: Trưởng Mâm non Số 2 Mường Mươn
Chương: 822

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Mường Mươn, ngày 04 tháng 01 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH
Quý IV năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng					
STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.203.670	3.106.368		

I	Nguồn ngân sách trong nước	4.203.670	3.106.368	
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4.203.670	3.106.368	

MISA Mimosa Online

1

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.234.860,000	2.212.668	68%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		893.700	92%	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				

8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
II	Nguồn vốn viện trợ					
1	Chi quản lý hành chính					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
5	Chi bảo đảm xã hội					
6	Chi hoạt động kinh tế					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
III	Nguồn vay nợ nước ngoài					
1	Chi quản lý hành chính					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
5	Chi bảo đảm xã hội					

MISA Mimosa Online

2

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
6	Chi hoạt động kinh tế				

7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 04 tháng 01 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Thị Lan Hương

Đơn vị: Trường mầm non số 2 Mường Mươn
Chương: 822

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư
số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm
2018 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 của UBND)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
2.2	Chi quản lý hành chính	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.209.340.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.209.340.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu	

Đơn vị: Trường mầm non số 2 Mường Mươn
Số: 822

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo
Thông tư số 90/2018/TT-BTC
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 của UBND)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	192.000.000

1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	192.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	

9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	

Đơn vị: Trường mầm non số 2 Mường Mươn
Chương: 822

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số
90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
2.2	Chi quản lý hành chính	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	98.560.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	98.560.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu	

Đơn vị: Trường mầm non số 2 Mường Mươn
Chương: 822

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư
số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm
2018 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	.
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
2.2	Chi quản lý hành chính	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	27.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	27.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu	

Đơn vị: Trường mầm non số 2 Mường Mươn
Chương: 822

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo
Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày
28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	48.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	

2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	48.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	

Đơn vị: Trường mầm non số 2 Mường Mươn
Chương: 822

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo
Thông tư số 90/2018/TT-BTC
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	112.320.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	

3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	112.320.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	

Đơn vị: Trường mầm non số 2 Mường Mươn
Chương: 822

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo
Thông tư số 90/2018/TT-BTC
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	

2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	

Đơn vị: Trường mầm non số 2 Mường Mươn
Chương: 822

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo
Thông tư số 90/2018/TT-BTC
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	117.840.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	

1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	117.840.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	

Đơn vị: Trường mầm non số 2 Mường Mươn
Chương: 822

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo
Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày
28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	64.260.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	64.260.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	

Đơn vị: Trường mầm non số 2 Mường Mươn
Chương: 822

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông
tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng
9 năm 2018 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	499.830.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	

	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	499.830.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MƯỜNG PỒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 317/QĐ-UBND

Mường Pồn, ngày 28 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về điều chỉnh và giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan, đơn vị xã Mường Pồn.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MƯỜNG PỒN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật ngân sách nhà nước; Nghị định 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh về Điều chỉnh và giao dự toán, thu chi NSDP năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền 02 cấp trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/10/2025 của Hội đồng nhân dân xã về điều chỉnh, giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan, đơn vị xã Mường Pồn;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh và giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan, đơn vị xã Mường Pồn, với nội dung chi tiết cụ thể sau (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Căn cứ dự toán điều chỉnh và được giao, các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí được giao đảm bảo đúng theo các quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy xã (b/c);
- TT HĐND xã;
- Thuế cơ sở 4;
- Phòng GD số 1, KBNN Khu vực X;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Các đơn vị trường học trên địa bàn;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Lương

BIỂU ĐIỀU CHỈNH VÀ GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025, NGUỒN CHUYỂN NGUỒN NĂM 2024 SANG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Mường Pôn)

Tên đơn vị: Mầm non số 2 Mường Mươn Mã QHNS: 1121810

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Số tiền
	TỔNG CỘNG:					4.397,96
I	Chi thường xuyên					3.429,15
-	Kinh phí chi thường xuyên	822	070	071	13	3.209,34
-	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	822	070	071	18	219,81
II	Chi không thường xuyên					968,81
1	Các chính sách giáo dục					404,72
1.1	Kinh phí ND số 105/2020/ND-CP					173,56
-	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi	822	070	071	12	98,56
-	GV mầm non dạy lớp ghép, tăng cường Tiếng Việt	822	070	071	12	27,00
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức nấu ăn cho trẻ mầm non	822	070	071	12	48,00
1.2	Kinh phí ND số 66/2025/ND-CP					113,32
-	Hỗ trợ tiền ăn nhà trẻ	822	070	071	12	112,32
-	Hỗ trợ tiền điện nước	822	070	071	12	1,00
1.3	Kinh phí ND số 238/2025/ND-CP					117,84
-	Hỗ chi phí học tập	822	070	071	12	117,84
2	Chi không thường xuyên khác					564,09
-	Mua sắm thiết bị	822	070	071	12	64,26
-	Sửa chữa trường lớp học	822	070	071	12	499,83

* Ghi chú:

(1) Đã bao gồm:

- Kinh phí hỗ trợ hoạt động của chi bộ cơ sở
- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Quy định

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MƯỜNG PỒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 564/QĐ-UBND

Mường Pồn, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Bổ sung kinh phí dự toán cho các cơ quan, đơn vị
để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MƯỜNG PỒN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về điều chỉnh và giao dự toán thu, chi NSDP năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Bổ sung kinh phí cho các xã, phường để thực hiện chính sách phát triển đất trồng lúa năm 2025 (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phân bổ kinh phí năm 2025 cho các xã để hỗ trợ đảm bảo cơ sở, vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Bổ sung kinh phí cho các xã, phường để thực hiện nhiệm vụ, năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Bổ sung kinh phí cho các xã, phường để thực hiện nhiệm vụ, năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Mường Pồn về việc phân bổ nguồn kinh phí Bổ sung kinh phí dự toán cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2025;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung kinh phí dự toán cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2025 cụ thể như sau:

1. Giao bổ sung kinh phí năm 2025 hỗ trợ đảm bảo cơ sở, vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (đợt 2), số tiền: 1.400.000.000 đồng, chi tiết như sau:

- Bổ sung kinh phí cho Văn phòng HĐND-UBND xã để thực hiện dự án: Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục phụ trợ trụ sở Đảng ủy – HĐND – UBND xã Mường Pồn, số tiền: 1.000.000.000 đồng (Mã QHNS 1143814, chương 830, khoản 341, tính chất nguồn 15).

- Bổ sung kinh phí cho Phòng Kinh tế xã để thực hiện dự án: Xây dựng nhà tạm 10 gian, Kè bê tông và các hạng mục phụ trợ trụ sở xã Mường Pồn, số tiền: 400.000.000 đồng (Mã QHNS 1143812, chương 831; khoản 341, tính chất nguồn 15).

Nguồn kinh phí từ Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên.

2. Giao bổ sung dự toán thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa, số tiền: **110.000.000 đồng**, cụ thể:

- Trung tâm dịch vụ tổng hợp: Kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa 50%, số tiền 55.000.000 đồng (Mã QHNS: 1143811. Chương 821, khoản 281, tính chất nguồn 15).

- Phòng Kinh tế: Kinh phí hỗ trợ để sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã 50%, thực hiện Sửa chữa thủy lợi bản Púng Giắt 1, xã Mường Pồn, số tiền 55.000.000 đồng (Mã QHNS 1143812, chương 831; khoản 281, tính chất nguồn 15).

Nguồn kinh phí tại Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên.

3. Giao bổ sung dự toán cho các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ năm 2025, số tiền: **1.481.000.000 đồng**. Nguồn kinh phí từ Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên, (có biểu chi tiết số 01 kèm theo).

4. Giao bổ sung dự toán cho các đơn vị trường thực hiện các chính sách giáo dục năm 2025, số tiền: **2.991.000.000 đồng**. Nguồn kinh phí từ Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên. (có biểu chi tiết số 02 kèm theo).

5. Giao bổ sung dự toán cho các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2025, số tiền: **566.509.796 đồng**, trong đó:

- Bổ sung tăng chi thường xuyên cho 10 đơn vị trường, số tiền 326.509.796 đồng (có biểu chi tiết số 03 kèm theo)

- Bổ sung dự toán cho Phòng Kinh tế thực hiện Sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất điểm trường mầm non bản Huổi Nhả, xã Mường Pồn, số tiền 240.000.000 đồng (Mã QHNS 1143812, chương 831; khoản 341, tính chất nguồn 15).

Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục ngân sách xã năm 2025 theo quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh Điện Biên.

6. Thu hồi dự toán đã giao cho Trường PTDTBT Tiểu Học Số 2 Mường Mươn kinh phí thực hiện Nghị định 66/2025/NĐ-CP và Nghị định số 116/2016/NĐ-CP tại Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 của UBND xã Mường Pồn về điều chỉnh và giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan, đơn vị xã Mường Pồn; phân bổ Trường Mầm non

số 1 Mường Mươn, số tiền 41.321.000 đồng, Trường Tiểu Học Số 1 Mường Mươn số tiền 79.520.000 đồng, (có biểu số 04 kèm theo).

Điều 2: Căn cứ Quyết định này, các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán nguồn kinh phí được giao bổ sung theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy xã (b/c);
- TT HĐND xã;
- Văn phòng Đảng ủy xã;
- Ủy ban MTTQ VN xã;
- Các đơn vị trường học;
- Phòng GD số 1 KBNN Khu vực X;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Lương



Biểu 01

BIỂU CHỈ TIẾT PHÂN BỐ DỰ TOÁN TỪ CÁC NHIỆM VỤ PHÁT SINH TRONG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 564 ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Mường Pôn)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Mã QHNS	Mã chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Số tiền	Ghi chú
I	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo						1.241.000.000	
1	Kinh phí thực hiện bổ nhiệm, xếp lương, nâng lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục	1143812	831	340	341	13	900.000.000	Phòng Kinh tế
2	Phụ cấp giáo viên dạy khuyết tật theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP						341.000.000	
2.1	Trường Mầm Non Số 1 Mường Mươn	1085786	822	070	071	13	35.000.000	Trường Mầm Non Số 1 Mường Mươn
2.2	Trường PTDTBT TH Xã Mường Pôn	1095990	822	070	072	13	40.000.000	Trường PTDTBT TH Xã Mường Pôn
2.3	Trường Tiểu Học Số 2 Mường Pôn	1099345	822	070	072	13	45.000.000	Trường Tiểu Học Số 2 Mường Pôn
2.4	Trường PTDTBT Tiểu Học Số 2 Mường Mươn	1098660	822	070	072	13	30.000.000	Trường mầm Non Số 2 Mường Mươn
2.5	Trường THCS Xã Mường Pôn	1095957	822	070	073	13	98.000.000	Trường THCS Xã Mường Pôn
2.6	Trường THCS Mường Mươn	1085750	822	070	073	13	93.000.000	Trường THCS Mường Mươn
II	Quản lý hành chính						240.000.000	
1	Kinh phí do tăng phụ cấp hàng tháng của thôn đội trưởng theo ND số 16/2025/ND-CP						67.000.000	
	Phụ cấp thôn đội trưởng	1143814	830	010	011	13	67.000.000	Văn phòng HĐND-UBND xã
2	Kinh phí tăng BHXH cho cán bộ không chuyên trách bản						158.000.000	
-	Bảo hiểm xã hội Bí thư chi bộ	1143815	819	340	351	13	55.000.000	Văn phòng Đảng ủy
-	Bảo hiểm xã hội Trưởng ban công tác mặt trận	1143809	820	340	361	13	48.000.000	Ủy ban MTTQ VN xã
-	Bảo hiểm xã hội Trưởng bản	1143814	830	340	341	13	55.000.000	Văn phòng HĐND-UBND xã
3	Hỗ trợ tăng chi Thường xuyên						15.000.000	
-	Hoạt động của Hội đồng nhân dân	1143814	830	340	341	13	14.862.000	Văn phòng HĐND-UBND xã
-	Nội dung số 1, tiểu dự án 1, dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS&MN công trình: Sửa chữa nước sinh hoạt sau mùa mưa lũ bản Mường Mươn 2, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà (mã CTMTQG 40514)	1143812	831	160	161	12	138.000	Phòng Kinh tế
	TỔNG CỘNG						1.481.000.000	



BIỂU CHI TIẾT PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 564 ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Mường Pôn)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mã QHNS	Mã chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	ND 66/2025 và ND 116/2016	Nghị định 81/2021/NĐ-CP và ND 238/NĐ-CP	TT42/2013/TT LT-BGDDT-BLĐTBXH-BTC	ND 105/2020/NĐ-CP	Tổng giao
1	Trường Mầm Non Số 1 Mường Mươn	1085786	822	070	071	15	388,67	50,86	4,98		444,51
2	Trường mầm Non Số 2 Mường Mươn	1121810	822	070	071	15	176,39	34,96			211,35
3	Trường mầm Non Số 1 Mường Pôn	1096031	822	070	071	15	272,38	44,26	4,98		321,62
4	Trường mầm Non Số 2 Mường Pôn	1115199	822	070	071	15	154,25	28,67	4,98	18,72	206,62
5	Trường PTDTBT TH Xã Mường Pôn	1095990	822	070	072	15	251,55	16,41	26,95		294,91
6	Trường Tiểu Học Số 2 Mường Pôn	1099345	822	070	072	15	60,47	14,46	26,95		101,88
7	Trường Tiểu Học Số 1 Mường Mươn	1085767	822	070	072	15	44,88	15,36	19,46		79,70
8	Trường PTDTBT Tiểu Học Số 2 Mường Mươn	1098660	822	070	072	15		13,56	4,48		18,04
9	Trường THCS Xã Mường Pôn	1095957	822	070	073	15	653,67	39,96	12,23		705,86
10	Trường THCS Mường Mươn	1085750	822	070	073	15	465,75	113,56	27,20		606,51
	TỔNG CỘNG						2.468,01	372,06	132,21	18,72	2.991,00

BIỂU CHI TIẾT PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CHO CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 564 ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Mường Pồn)

ĐVT: Đồng

Stt	Tên đơn vị	Mã QHNS	Mã chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Dự toán giao	Ghi chú
1	Trường Mầm Non Số 1 Mường Mươn	1085786	822	070	071	13	45.145.929	
2	Trường Mầm Non Số 2 Mường Mươn	1121810	822	070	071	13	25.520.000	
3	Trường MN số 1 Mường Pồn	1096031	822	070	071	13	42.290.000	Đã bao gồm sửa chữa đường điện điểm bản Huổi Un
4	Trường MN Số 2 Mường Pồn	1115199	822	070	071	13	35.220.000	Đã bao gồm Sửa chữa đường điện điểm bản Huổi Chan 2
5	Trường PTDTBT TH Mường Pồn	1095990	822	070	072	13	39.000.000	Đã bao gồm Sửa chữa đường điện điểm bản Huổi Un
6	Trường PTDTBT Tiểu Học Số 2 Mường Mươn	1098660	822	070	072	13	23.000.000	
7	Trường Tiểu Học Số 2 Mường Pồn	1099345	822	070	072	13	32.000.000	Đã bao gồm Sửa chữa đường điện điểm bản Huổi Chan 2
8	Trường TH Số 1 Mường Mươn	1085767	822	070	072	13	40.039.796	
9	Trường THCS Mường Pồn	1095957	822	070	073	13	23.000.000	
10	Trường THCS Mường Mươn	1085750	822	070	073	13	20.000.000	
11	Phòng Kinh tế xã	1143812	831	070	071	13	1.294.071	Bổ sung để thực hiện chuyển đổi số liệu đã chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025 của trường Mầm non số 1 Mường Mươn
	Tổng giao						326.509.796	